DRAGON CAPITAL

Số :0310/DCVFM.2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP/ Fund name: DCVFMVNMIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 03/10/2023
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock		
1	AAA	400	0.37%
2	AGG	100	0.30%
3	ASM	400	0.40%
4	BCG	800	0.78%
5	BMP	100	0.84%
6	BWE	100	0.45%
7	CII	500	0.96%
8	CMG	100	0.46%
9	CTD	100	0.46%
10	CTR	100	0.77%
11	DBC	400	0.87%
12	DCM	300	0.98%
13	DGC	500	4.55%
14	DGW	200	1.13%
15	DHC	100	0.44%
16	DIG	1,000	2.44%
17	DPM	400	1.47%
18	DXG	1,000	1.85%
19	EIB	2,900	4.99%
20	FRT	200	1.75%
21	FTS	300	1.24%
22	GEX	1,300	2.60%
23	GMD	600	3.81%
24	HCM	500	1.51%
25	HDC	200	0.60%
26	HDG	300	0.82%
27	HHV	600	0.96%
28	HSG	1,100	2.15%
29	KBC	1,200	3.77%
30	KDC	300	1.87%
31	KDH	1,000	3.16%
32	KOS	200	0.76%
33	LPB	3,900	5.17%
34	MSB	3,900	5.31%
35	NKG	400	0.77%
36	NLG	500	1.69%
37	NT2	200	0.48%
38	OCB	2,400	3.18%
39	PAN	300	0.60%
40	PC1	300	0.90%
41	PDR	700	1.65%
42	PHR	100	0.47%
43	PNJ	600	4.60%
44	PTB	100	0.57%
45	PVD	500	1.26%
46	PVT	300	0.83%
47	REE	400	2.47%
48	SAM	800	0.51%
49	SBT	700	1.01%

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
50	SCS	100	0.66%
51	SJS	100	0.61%
52	TCH	900	1.04%
53	VCG	600	1.45%
54	VCI	700	2.84%
55	VGC	100	0.46%
56	VHC	200	1.57%
57	VIX	1,400	2.18%
58	VND	2,000	4.10%
59	VPI	200	1.03%
60	VSH	100	0.42%
II.	Tiền/ Cash (VND)	27,015,832	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,001,961,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,028,976,832

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 27,015,832

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
CTD	52,580	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
LPB	15,015	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MSB	15,400	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	86,790	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	69,850	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
HCM	34,210	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
VCI	45,980	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 03/10/2023	Kỳ trước/Last period (**) 02/10/2023	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	10,500,000	10,500,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	10,020	10,350	-330
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	108,042,567,448	107,569,841,923	472,725,525
của một lô ETF/per Creation Unit	1,028,976,832	1,024,474,684	4,502,148
của một chứng chỉ quỹ/per Share	10,289.76	10,244.74	45.02
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Inc	1,579.95	1,652.05	-72.10

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 02/10/2023

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 01/10/2023

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM

LÊ HOÀNG ANH

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 04/10/2023